

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Huệ.

2. Bà Trần Thị Kia.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2022, “Về việc tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Khắc H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Khắc H trình bày: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 10/10/2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã và cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau. Do vậy, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với chị T. Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản khai ngày 04/3/2022, bị đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn như anh H trình bày trong đơn khởi kiện. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị T đồng ý ly hôn với anh H. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Khắc H yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Bị đơn chị Lê Thị Thanh T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Khắc H và chị Lê Thị Thanh T có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh H và chị T đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, nhưng chị T không đến và có bản khai đồng ý ly hôn với anh H. Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh H vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị T.

[3] Về con chung: Anh H và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Khắc H.

- *Về hôn nhân*: Anh Trần Khắc H được ly hôn với chị Lê Thị Thanh T.

- *Về án phí*: Anh Trần Khắc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0011700 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (24/5/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Đồng Ánh Đông**